TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 81/2023/DS-PT Ngày: 17 - 4 - 2023 V/v: *"Tranh chấp về đòi lại tài sản"*.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 11 và ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLDS-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về đòi lại tài sản"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 04/11/2022 Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐ-PT ngày 12/02/2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1950;

Cư trú tại: số nhà T/B đường TBH, phường LP, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1975. Cư trú tại: số nhà BB đường TTT, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Bà Vũ Bích L, sinh năm 1975 và chồng là ông Lý H, sinh năm 1970. Cư trú tại: số nhà H/N đường NBN, thôn TN, xã LC, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. *(Bà L có mặt, ông H vắng mặt);*

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Chị Vũ Bích Th, sinh năm 1989 và chồng là Anh Lê Văn H1, sinh năm 1975. Cư trú tại: số nhà T/B đường TBH, phường LP, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

3.2. Chị Vũ Bích Th người đại diện là mẹ của 03 cháu gồm: Vũ Khánh N, sinh năm 2007; Lê Vũ Hoàng H2, sinh năm 2010, Lê Vũ Bảo N1, sinh năm 2013; cùng trú tại: số nhà T/B đường TBH, phường LP, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

4. ***Người làm chứng***:

4.1. Anh Vũ Quốc C, sinh năm 1979. Cư trú tại: thôn B, xã LN, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

4.2. Anh Vũ Quốc Th, sinh năm 1977. Cư trú tại: số nhà NC đường TBT, phường LP, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

4.3. Anh Vũ Minh Q, sinh năm 1972. Cư trú tại: số nhà BL đường LG, xã LC, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. ***Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn ông Vũ Văn T thì:***

Vào năm 1999 ông T có thỏa thuận với ông Phạm Hồng Đ, sinh năm 1961 để mua nhà và đất của ông Đ gồm: 01 căn nhà xây nằm trên diện tích đất ở là 354m^2 tại thửa đất số 142a, tờ bản đồ số E13III A, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số 4205060142 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/10/1999; diện tích đất nông nghiệp 831m^2 thuộc thửa đất số 142b, tờ bản đồ số E113IIIA theo GCNQSDĐ số M745994 do UBND thị xã Bảo Lộc cấp ngày 27/7/1998, đất thuộc phường LP, thành phố Bảo Lộc. Nhà và đất nêu trên ông T mua với giá 09 cây vàng, ông T đã trả cho ông Đ được 8,5 cây, ông T đã nhận nhà, đất để ở và canh tác sử dụng từ năm 1999 cho đến nay. Hiện nay ông Đ không có mặt tại địa phương, ông Đ ở địa chỉ cụ thể như thế nào thì ông T không biết, nên không cung cấp được địa chỉ của ông Đ cho Tòa án để là người làm chứng. Đối với giấy trả sổ đất do ông T nộp là bản photo có xác nhận của các con của ông T, còn bản chính bà L đang giữ; ông T có nộp 01 bản chính cùng nội dung nhưng không có xác nhận của người làm chứng. Do hoàn cảnh ở xa nên ông T nhờ con gái là Vũ Bích L và chồng là Lý H đứng tên trên GCNQSDĐ toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Vũ Bích L và con rể là ông Lý H phải sang tên GCNQSDĐ trả lại cho ông T diện tích đất ở 354m^2 thuộc thửa đất số 142a, tờ bản đồ số E.113.III.A và diện tích đất nông nghiệp 831m^2 thuộc thửa đất số 142b, tờ bản đồ số E.113.III.A, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4.

Ngoài căn nhà và diện tích đất nêu trên thì ông T không còn tài sản nào khác. Hiện nay những người đang ở trong căn nhà và đất nêu trên gồm: Ông Vũ Văn T, con gái là chị Vũ Bích Th, con rể là anh Lê Văn H1, 03 cháu con của chị Th và anh H1 gồm: Lê Vũ Khánh N, Lê Vũ Hoàng H2 và Lê Vũ Bảo N1.

2. ***Bị đơn bà Vũ Bích L, ông Lý H trình bày:***

Vào năm 1999 bà Vũ bích L nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Phạm Hồng Đ gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 115,6m^2 nằm trên diện tích đất ở là 354m^2 tại thửa đất số 142a, tờ bản đồ số E.113.III. A, theo GCNQSDĐ số 4205060142 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/10/1999 (ông Đ sang tên cho bà L ngày 24/8/1999); diện tích đất nông nghiệp 831m^2 thuộc thửa đất số 142b, tờ bản đồ số E.113.III.A, theo GCNQSDĐ số M745994 do UBND thị xã Bảo Lộc cấp ngày 27/7/1998 (ông Đ sang tên cho bà L và ông H ngày 29/11/2017); căn nhà

chưa được cấp GCNQSHN, tài sản nêu trên tọa lạc tại phường LP, thành phố Bảo Lộc.

Bà L khai nguồn gốc tiền để mua nhà, đất nêu trên do bà L bán vườn chè 7,8 sào của mình ở Bảo Lộc cho ông Võ N và bà Nguyễn Thị Kim T1 được 8,6 cây vàng 24 để lấy tiền mua căn nhà và đất nêu trên. Sau khi mua nhà và đất này thì bà L để cho bố là ông Vũ Văn T, ông nội bà L và em gái bà L ở. Đến ngày 18/8/2020 do vợ chồng bà L có mâu thuẫn, nên bà L làm đơn xin ly hôn chồng là ông Lý H ra Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc. Lý do bà L viết giấy trả lại sổ đất cho ông T là nhằm tẩu tán tài sản chung của vợ chồng sang cho bố mà không muốn chia tài sản này cho ông H. Nhưng sau đó bà L đã rút đơn ly hôn (đơn ly hôn đã nộp cho Tòa án vẫn còn lưu). Khi bà L bán nhà, đất nêu trên thì ông T không đồng ý, ông T căn cứ vào giấy viết tay trả sổ đất này của bà L để khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng bà L trả lại nhà, đất nêu trên. Bà L cho rằng ông T không đưa tiền, vàng; không góp tiền, vàng cho bà L để mua nhà và đất nêu trên. Bà L cho rằng mình là người bỏ ra 9 cây vàng để mua căn nhà và diện tích đất nêu trên, GCNQSDĐ đứng tên vợ chồng bà L và ông Lý H, bà L đóng thuế sử dụng nhà, đất từ năm 1999 cho đến nay. Do đó bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị Tòa án bác yêu cầu đòi sang tên GCNQSDĐ của ông T.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Bích Th và ông Lê Văn H1 trình bày:***

Chị Th là con gái út của ông T, trước đây gia đình chị Th ở Long An, nhưng muốn lên Bảo Lộc ở để gần anh chị em, khi mới lên Bảo Lộc do chưa có nhà, nên cả gia đình ở nhờ nhà ông P là chú ruột (nay chú đã chết). Đến năm 1999 bố chị Th là ông T bán đất ở miền Tây đưa vàng cho chị Vũ Bích L để nhờ mua nhà và đất của ông Phạm Hồng Đ với giá là 09 cây 6 chỉ vàng. Khi mua ông T mới trả cho ông Đ được 9,1 cây vàng, còn thiếu lại 05 chỉ vàng. Vào ngày 25/8/2020 gia đình họp lại yêu cầu chị Vũ Bích L sang tên GCNQSDĐ trả lại tài sản cho ông T thì chị L đồng ý. Chị L có ghi 01 giấy viết tay trả lại sổ đất cho ông T, chị Th có ký xác nhận là người làm chứng; nội dung chị L viết đồng ý trả sổ đỏ (sang tên GCNQSDĐ) với điều kiện ông T phải trả cho chị L số tiền là 150.000.000đ. Vì lúc đó do ông T không có tiền, nên chị L viết 01 giấy tay trả sổ đỏ để làm tin, chị L giữ bản chính, đưa bản phô tô cho ông T giữ. Nay chị Th và chồng là anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L sang tên GCNQSDĐ, trả lại tài sản cho ông T theo quy định của pháp luật.

4. ***Người làm chứng anh Vũ Quốc C, anh Vũ Quốc Th, anh Vũ Minh Q trình bày:***

03 anh là con trai của ông Vũ Văn T, các anh không chứng kiến việc ông T giao vàng cho chị L để mua nhà, đất, mà chỉ chứng kiến việc chị L viết giấy tay đồng ý trả lại sổ đất cho bố là ông T. Sau khi có giấy viết tay thì chị L đã giữ bản gốc và đưa bản phô tô cho ông T giữ. Nay các anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L phải sang tên GCNQSDĐ, trả lại nhà, đất cho ông T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L và ông H phải sang tên GCNQSDĐ, diện tích đất ở là 354m^2 (trên đất có một 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 115,6m^2) và diện tích đất nông nghiệp 831m^2 tại thửa đất số 142a, 142b tờ bản đồ số E.113.III.A, thuộc phường LP, thành phố Bảo Lộc và ông T đồng ý thanh toán trả cho bà L số tiền là 150.000.000đ. Còn đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Mạnh Hà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và khi bà L lấy lại nhà đất nêu trên, bà L đồng ý sẽ hỗ trợ cho ông T số tiền là 700.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 04/11/2022 Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T đối với bà Vũ Bích L và ông Lý H về việc yêu cầu đòi sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, đối với 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 115,6m^2, nằm trên diện tích đất ở 354m^2 tại thửa đất số 142a; đất nông nghiệp diện tích là 831m^2 tại thửa đất số 142b, tờ bản đồ số 113.III.A thuộc phường LP, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm đồng.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/ 2021/QĐ - BPKCTT ngày 08/11/2021 về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đang tranh chấp; Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2021/QĐ - BPBĐ ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc. Quyết định này không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 và Chương III của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 16/11/2022 nguyên đơn ông Vũ Văn T đã làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông T giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T.

Bà L không kháng cáo và không đồng ý với kháng cáo của ông T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[2.1] Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2.2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện (Bút lục 16) và đơn khởi kiện bổ sung (Bút lục 19) ông Vũ Văn T khởi kiện yêu cầu con gái là bà Vũ Bích L và con rể là ông Lý H phải sang tên GCNQSDĐ trả lại cho ông T diện tích đất ở 354m^2 thuộc thửa đất số 142a, tờ bản đồ số E.113.III.A và diện tích đất nông nghiệp 831m^2 thuộc thửa đất số 142b, tờ bản đồ số E.113.III.A, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Trong khi bà L đang đứng tên trên GCNQSDĐ còn nguyên đơn ông T và các con, cháu đang quản lý sử dụng phần diện tích đất trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Tranh chấp quyền đòi lại tài sản"* là chưa chính xác.

[2.3] Phần diện tích đất ông T, bà L đang tranh chấp gồm:

- 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 115,6m^2 nằm trên diện tích đất ở là 354m^2 tại thửa đất số 142a, tờ bản đồ số E.113.III. A, theo GCNQSDĐ số 4205060142 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/10/1999;

- Diện tích đất nông nghiệp 831m^2 thuộc thửa đất số 142b, tờ bản đồ số E.113.III.A, theo GCNQSHN ở và Quyền sử dụng đất ở số M745994 do UBND thị xã Bảo Lộc cấp ngày 27/7/1998.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả ông T và bà L thừa nhận nhà và đất nêu trên sang nhượng của ông Đ, bà L2 với giá 09 cây vàng.

Ông T cho rằng do ở xa nên nhờ con gái là Vũ Bích L trả cho ông Đ, bà L2 được 8,5 cây vàng, còn nợ lại 05 chỉ vàng và nhờ bà L, ông Lý H đứng tên trên GCNQSDĐ toàn bộ diện tích đất nêu trên đồng thời ông T đã nhận nhà, đất và ở từ năm 1999 cho đến nay.

Còn bà L cho rằng bà là người trực tiếp nhận chuyển nhượng nhà và đất nêu trên của ông Đ, bà L2 vào năm 1999. Bà đã thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng cho ông Đ, bà L2 là 09 cây vàng, đến nay bà đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng và đã được điều chỉnh sang tên trên GCNQSDĐ. Không có việc bà đứng tên dùm trên GCNQSDĐ như ông T trình bày.

Qua xem xét các tại liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì:

- Đối với diện tích đất 354m^2 trên đất có 01 căn nhà tại thửa đất số 142a, tờ bản đồ số E.113.III.A, theo GCNQSDĐ số 4205060142 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/10/1999. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Đ, bà L2 thì bà L đã hoàn tất các thủ tục sang tên cho bà L vào ngày 24/8/1999;

- Đối với diện tích đất nông nghiệp 831m^2 thuộc thửa đất số 142b, tờ bản đồ số E.113.III.A, theo GCNQSHN ở và Quyền sử dụng đất ở số M745994 do UBND thị xã Bảo Lộc cấp ngày 27/7/1998. Ông Đ, bà L2 sang tên cho bà L và ông H ngày 29/11/2017 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/11/2017 (Bút lục 178-182) được Văn phòng Công chứng NTQ chứng thực. Trong khi đó các đương sự trong vụ án đều thừa nhận ông Đ và bà L2 đã đi nước ngoài, hiện không có mặt ở Việt Nam. Bà L thừa nhận khi ký hợp đồng trên thì không có mặt ông Đ bà L2, chữ ký và chữ viết Trần Thị L2, Phạm Hồng Đ không biết do ai ký và viết ra. Do bà L nhờ Văn phòng Công chứng NTQ làm dịch vụ với số tiền 150.000.000đ để được hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, còn việc Văn Phòng Công chứng NTQ hoàn tất các thủ tục như thế nào thì bà L không biết và bà L đã được cập nhật trang 4 của GCNQSDĐ vào ngày 29/11/2017. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên, chưa đưa Văn phòng Công chứng NTQ và UBND thành phố Bảo Lộc vào tham gia tố tụng.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà L thừa nhận năm 1999 ông T có bán vườn ở Long An được 6,6 cây vàng và có gởi lên cho bà L. Sau đó, bà L có mua đất rẫy ở thôn B'Lá và mua 01 xe Honda cup về sử dụng làm phương tiện đi lại, nội dung này cũng được chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

Đồng thời, ông T xuất trình bản chính giấy nhượng quyền sử dụng đất nhà lập ngày 10/01/2003 *"... bà L đồng ý nhường quyền cho bố đứng tên nhưng ông T phải có nghĩa vụ trả tất cả số nợ mà bà L đã mượn để lo cho gia đình..."*. Đây là tài liệu, chứng cứ mới do nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm nên không thể đối chất, làm rõ nguồn tiền mua nhà đất, số tiền mua nhà đất đã trả hết cho bên bán hay chưa, ai là người trả, trong đó ông T đóng góp bao nhiêu, bà L đóng góp bao nhiêu; nợ bao nhiêu, số nợ sử dụng vào việc gì, hiện nay đã trả hết nợ chưa và ai đã trả số nợ trên? Do sau khi vợ ông T chết thì bà L là chị cả nên mọi việc chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình đều do bà L đứng ra lo liệu.

[4] Từ những phân tích nêu trên. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là có căn cứ nên cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là có căn cứ.

Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét đến kháng cáo của ông T.

[5] đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/ 2021/QĐ - BPKCTT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đang tranh chấp. Quyết định này không bị kháng cáo, kháng nghị, việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 và Chương III của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 04/11/2022 Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc về việc *"Tranh chấp về đòi lại tài sản",* giữa nguyên đơn ông Vũ Văn T; bị đơn bà Vũ Bích L, ông Lý H.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và tiền nộp tạm ứng án phí: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/ 2021/QĐ-BPKCTT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đang tranh chấp; Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 và Chương III của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND thành phố Bảo Lộc (02);
- Chi cục THADS Tp. Bảo Lộc (01);
- Đương sự (06);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh